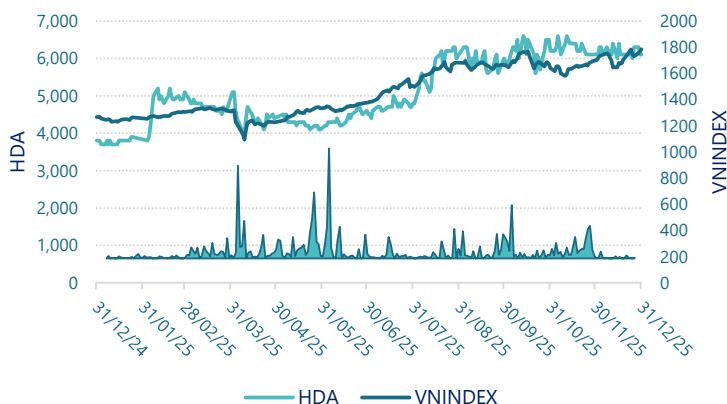


CTCP Hăng Sơn Đông Á (HNX: HDA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
SL cổ phiếu LH	27,599,967
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,500
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168
P/E	4.8
EPS	1,268

DT thuần

Q4/25

86.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.4 | 34.8%

YoY: ▼ 8.00 | -8.4%

LN sau thuế

Q4/25

6.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 8.22 | -57.1%

YoY: ▼ 4.62 | -42.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

15.7%

+/- YoY: ▲ 7.6%

DT thuần

2025

279

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00 | 1.6%

LN sau thuế

2025

37.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.5 | 150%

ROE

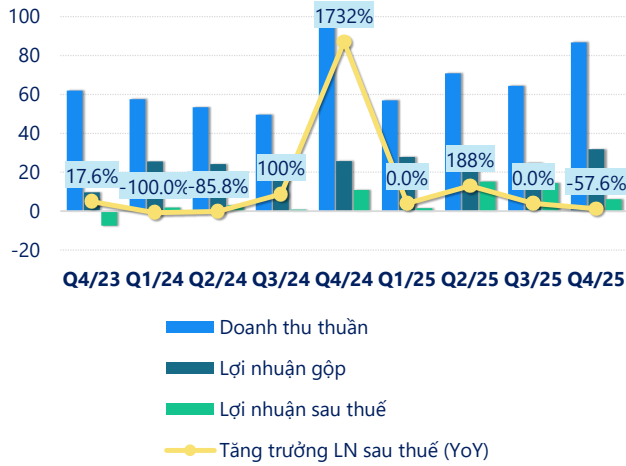
2025

9.8%

+/- YoY: ▲ 5.5%

tỷ VNĐ

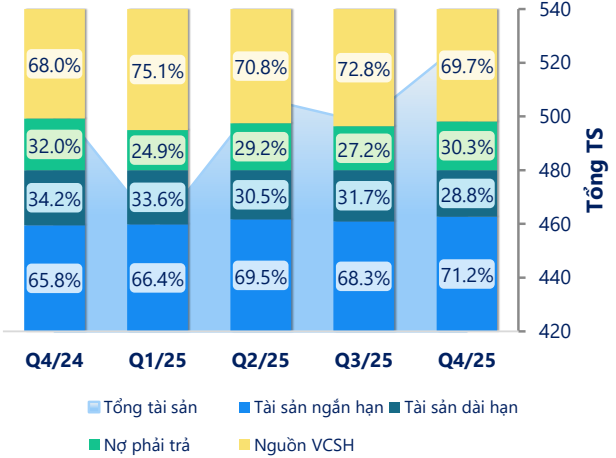
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

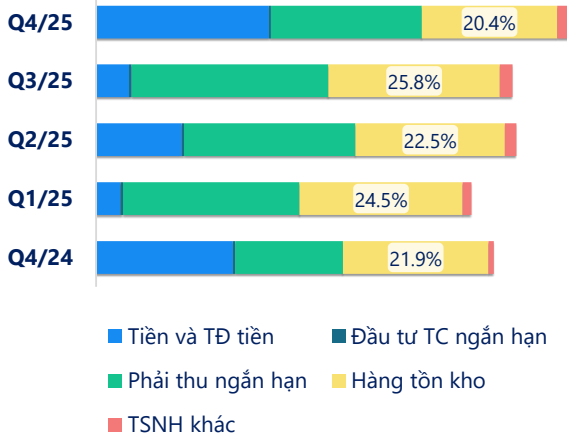
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



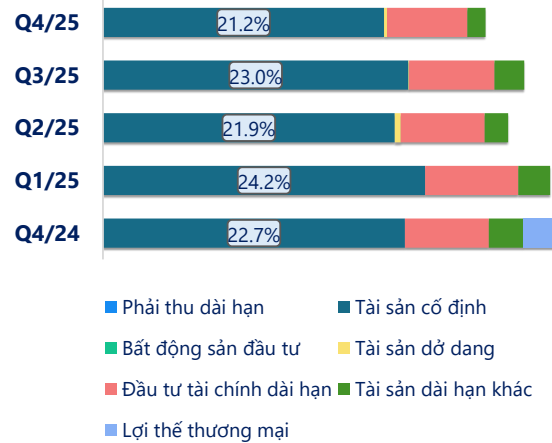
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

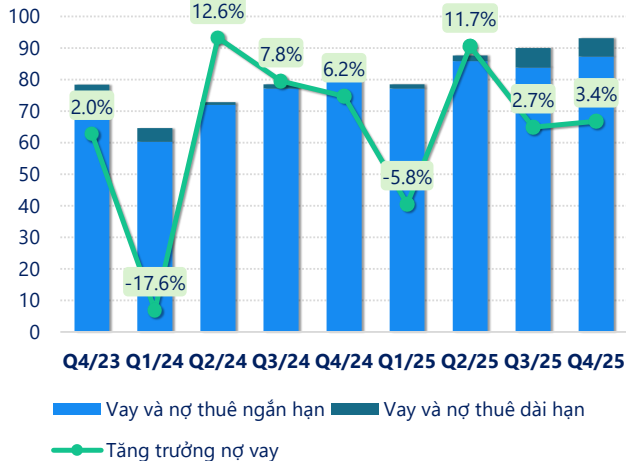
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

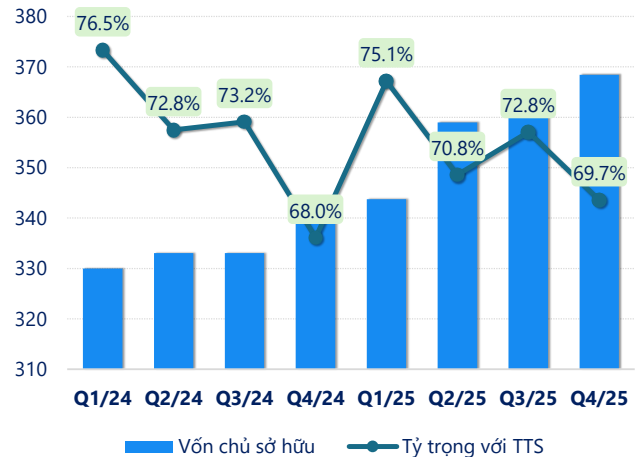
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

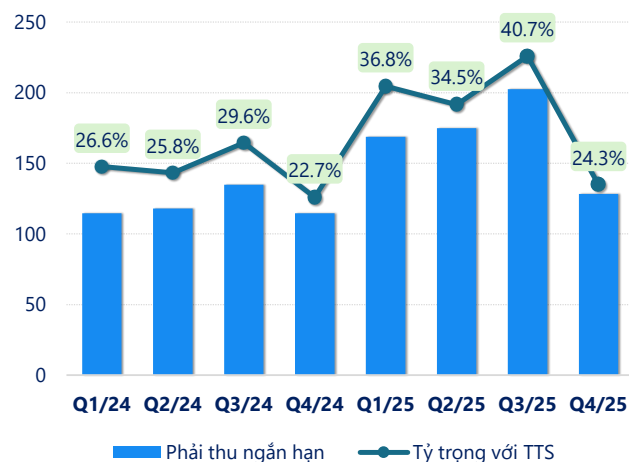
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



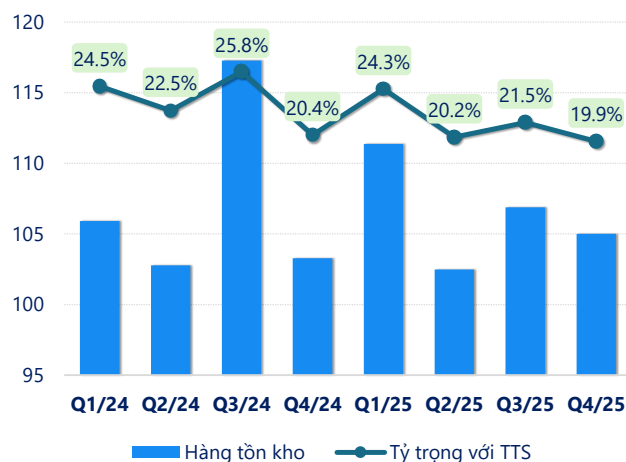
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


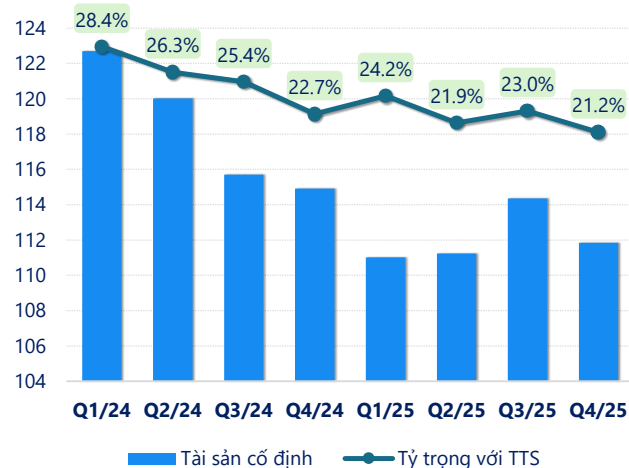
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


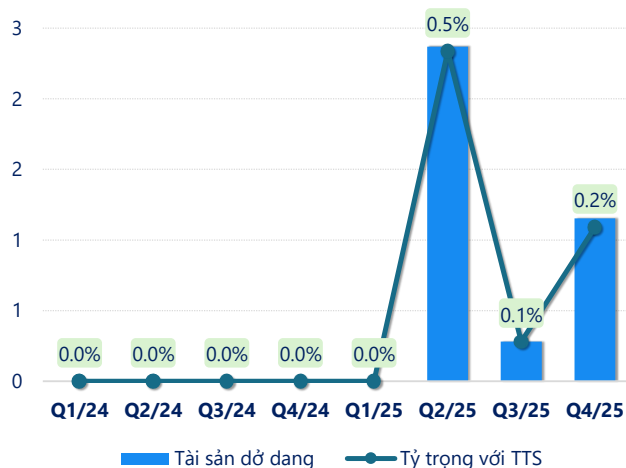
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

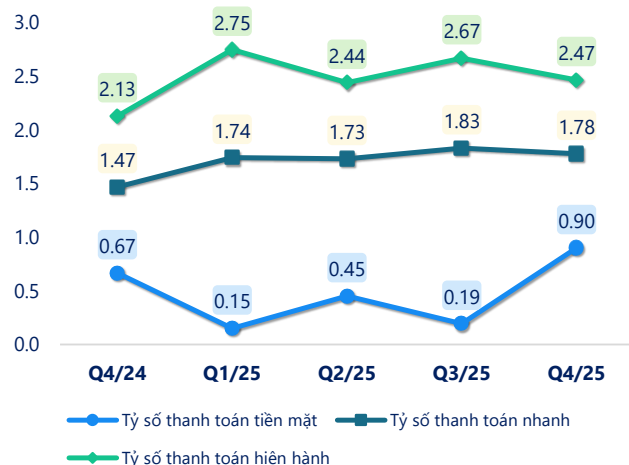
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

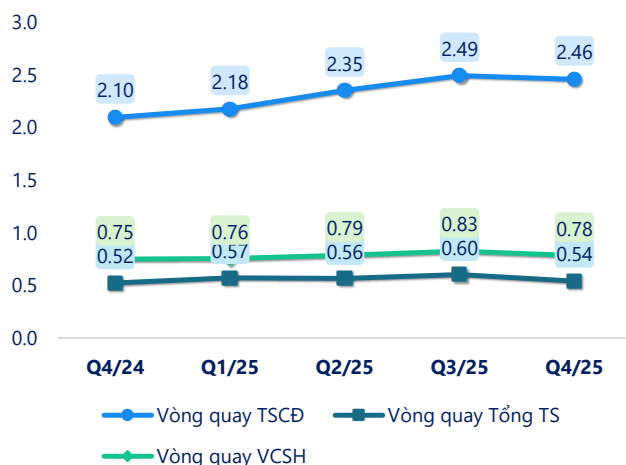
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	506	458	507	498	529
Tài sản ngắn hạn	333	304	352	340	377
Tiền và tương đương tiền	104	16.6	65.3	24.7	137
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.70	1.70	1.73	1.73	1.73
Phải thu ngắn hạn	115	169	175	202	128
Hàng tồn kho	103	111	102	107	105
Tài sản ngắn hạn khác	9.24	5.52	8.09	4.32	4.11
Tài sản dài hạn	173	154	155	158	152
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	115	111	111	114	112
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	2.37	0.28	1.15
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	32.0	32.0	32.0	32.0
Tài sản dài hạn khác	13.2	11.0	8.92	11.1	7.24
Lợi thế thương mại	12.8	0	0	0	0
Nợ phải trả	162	114	148	136	160
Nợ ngắn hạn	157	111	144	127	153
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.7	77.1	85.8	83.7	87.3
Phải trả người bán ngắn hạn	45.4	20.6	40.1	28.4	43.3
Nợ dài hạn	5.52	3.56	3.45	8.12	7.62
Vay và nợ thuê dài hạn	2.57	1.33	1.78	6.26	5.77
Nguồn vốn chủ sở hữu	344	344	359	362	368
Vốn chủ sở hữu	344	344	359	362	368
Vốn điều lệ	276	276	276	276	276
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)